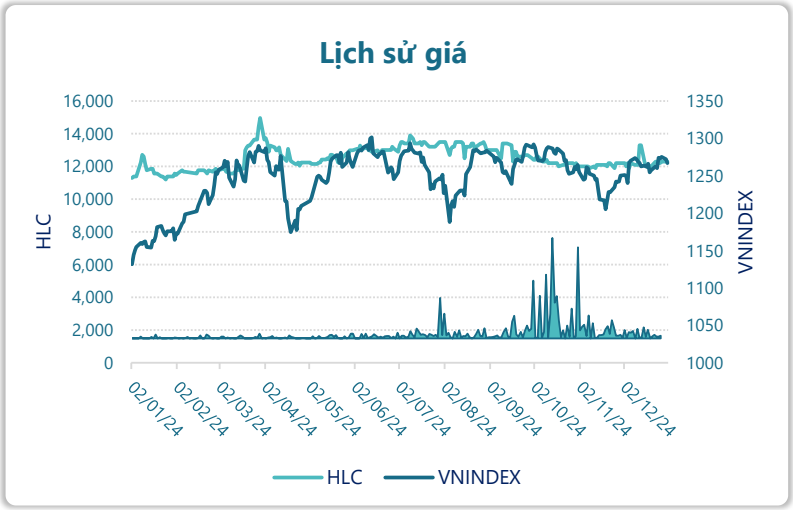
FireAnt

CTCP Than Hà Lầm - Vinacomin (HNX: HLC)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**12,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,965
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,200
SL cổ phiếu LH	25,415,199
KLGD BQ 20 phiên (CP)	760
% sở hữu nước ngoài	9.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	313
P/E	3.9
EPS	3,163

DT thuần

Q4/24

943

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 378| 66.9%

YoY: ▲ 232| 32.6%

LN sau thuế

Q4/24

26.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 15.0| 133%

YoY: ▲ 5.30| 25.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

4.6%

+/- YoY: ▼ 2.2%

DT thuần

2024

2,999

tỷ VNĐ

YoY: ▼135| -4.3%

LN sau thuế

2024

80.4

tỷ VNĐ

YoY: ▼18.8| -18.9%

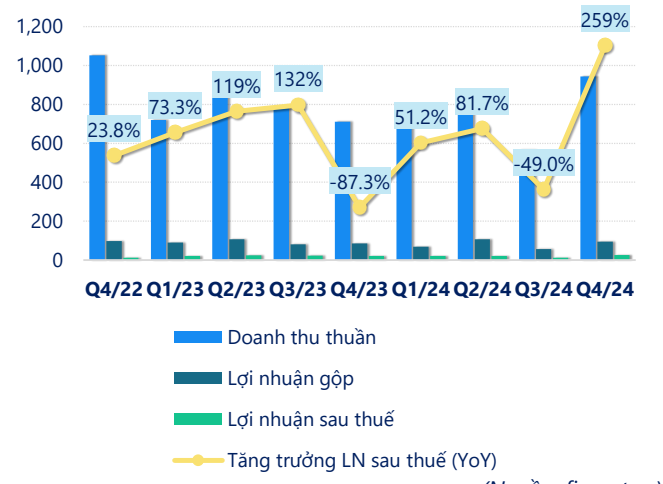
ROE

2024

19.1%

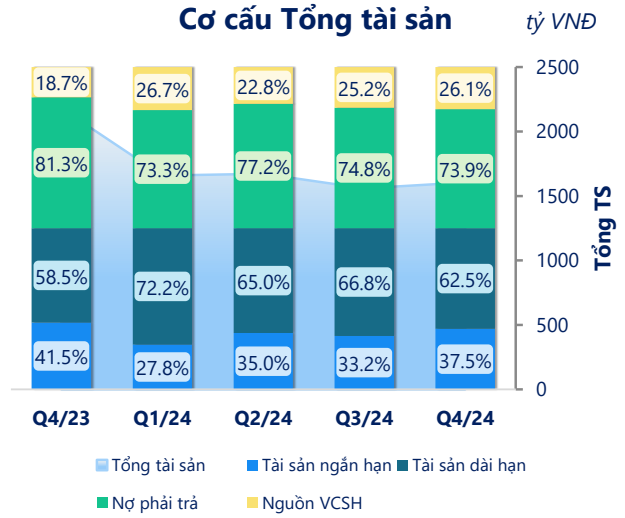
+/- YoY: ▼ 5.8%

Kết quả kinh doanh



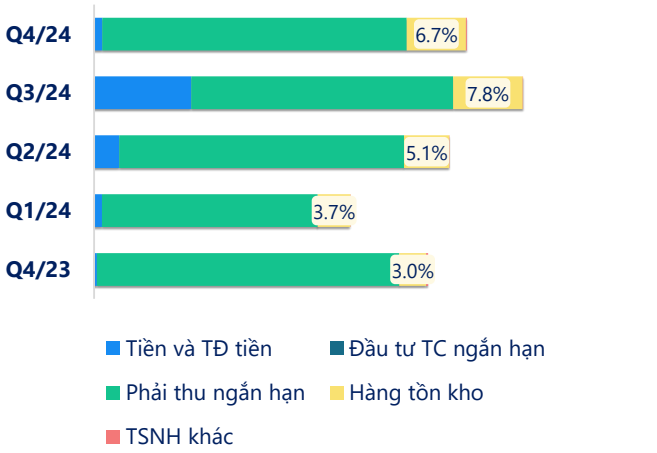
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



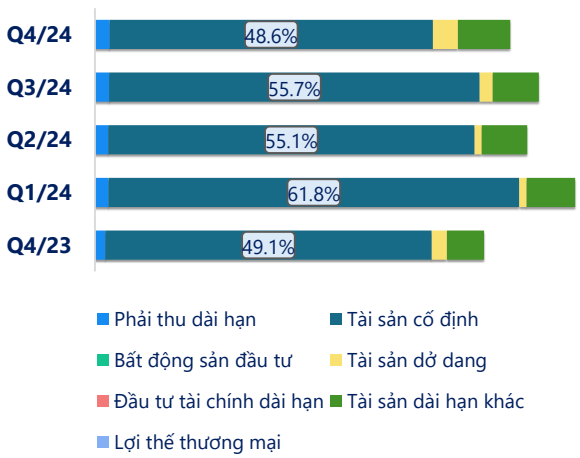
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



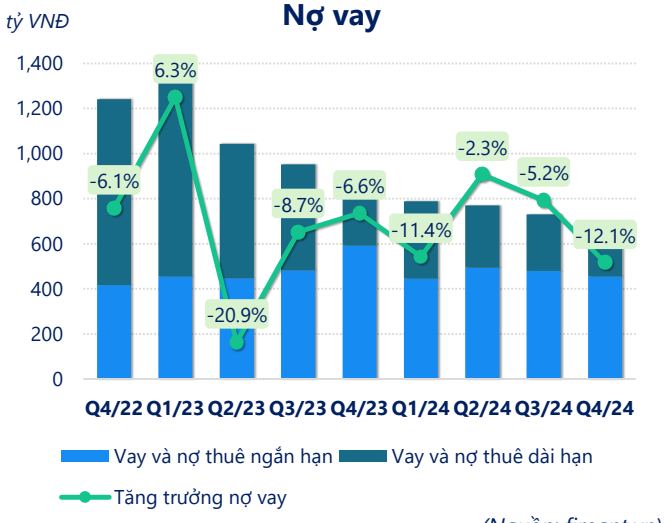
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



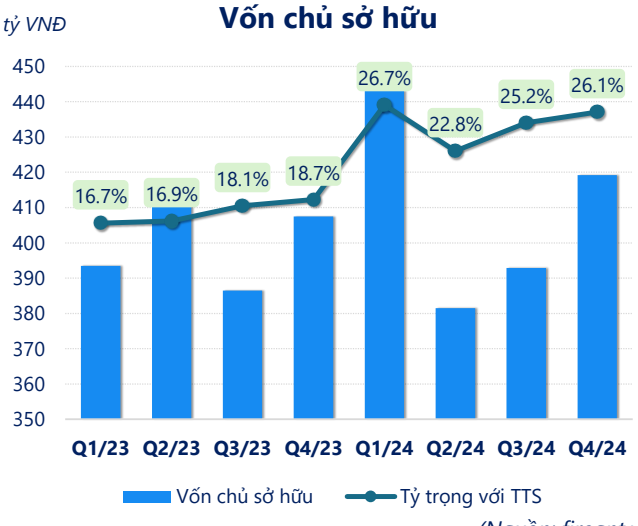
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



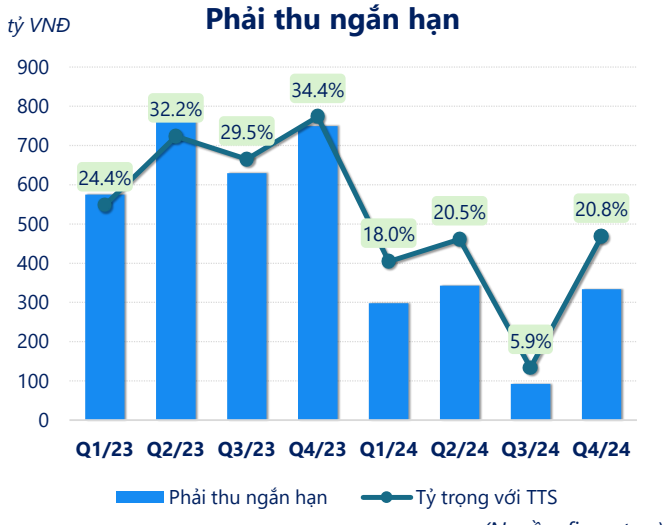
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



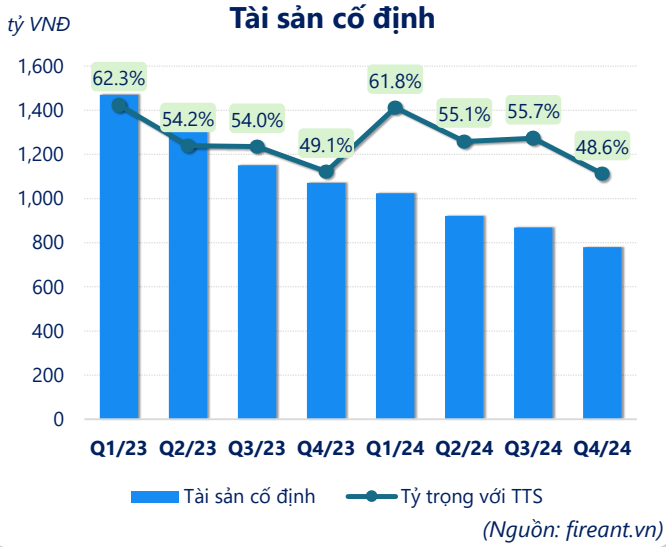
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



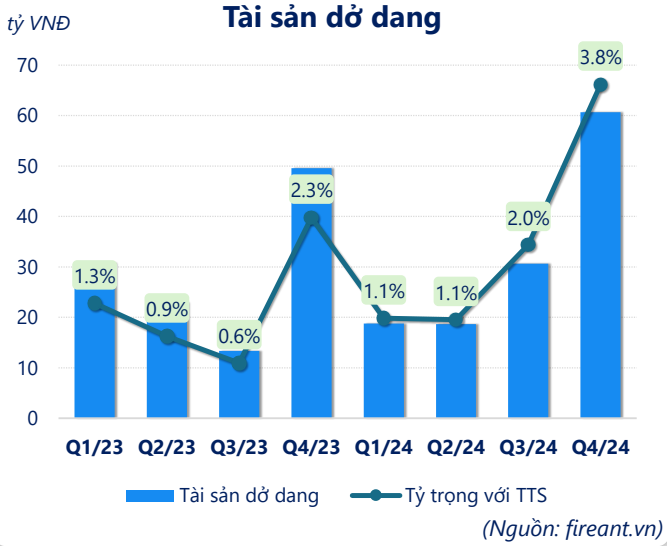
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



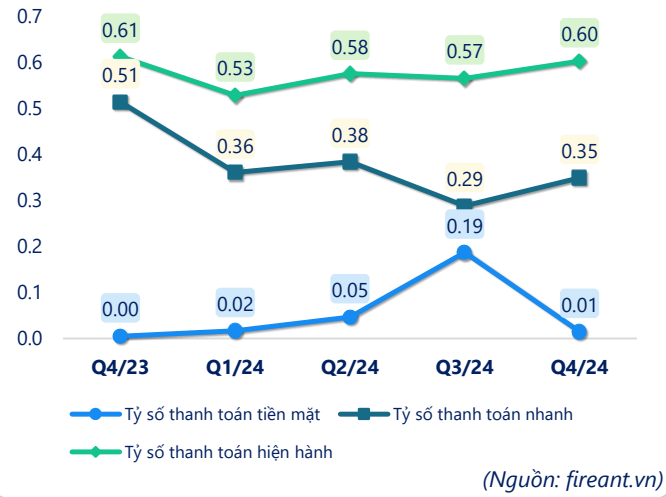
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



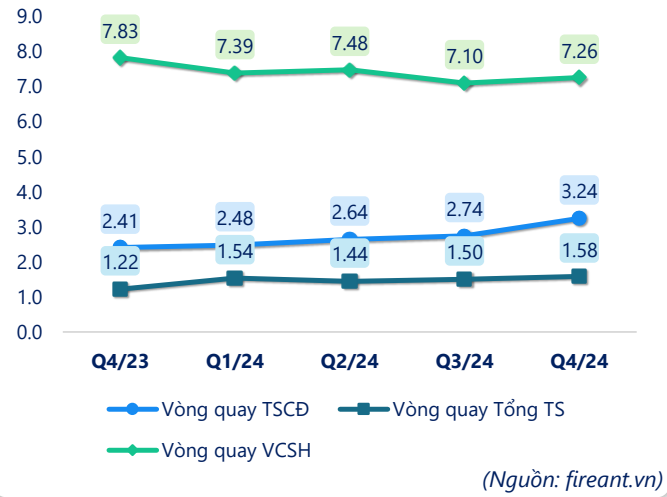
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**2,180**	**1,658**	**1,673**	**1,558**	**1,604**
Tài sản ngắn hạn	**904**	**460**	**585**	**517**	**602**
Tiền và tương đương tiền	7.19	14.5	47.3	171	14.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	749	298	343	92.5	334
Hàng tồn kho	146	146	194	254	253
Tài sản ngắn hạn khác	1.88	2.14	0.19	0.09	0
Tài sản dài hạn	**1,276**	**1,197**	**1,088**	**1,041**	**1,003**
Phải thu dài hạn	33.6	33.6	33.6	33.6	35.5
Tài sản cố định	1,071	1,024	922	868	780
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	49.6	18.8	18.7	30.6	60.7
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	122	121	114	108	126
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,773**	**1,215**	**1,291**	**1,165**	**1,185**
Nợ ngắn hạn	**1,475**	**871**	**1,016**	**915**	**998**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	592	445	494	479	454
Phải trả người bán ngắn hạn	202	187	220	186	274
Nợ dài hạn	297	343	275	251	187
Vay và nợ thuê dài hạn	297	343	275	251	187
Nguồn vốn chủ sở hữu	**407**	**443**	**382**	**393**	**419**
Vốn chủ sở hữu	**407**	**443**	**382**	**393**	**419**
Vốn điều lệ	254	254	254	254	254
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)